

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1241** /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **18** tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2342/QĐ-BTTTT ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Phương pháp đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí Đánh giá, xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VPUB: LDVP, các CV;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Cẩm

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung, tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam theo các nhóm tiêu chí dựa trên các quy định của Nhà nước tại các văn bản quy phạm pháp luật về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước (*Chi tiết tại Phụ lục 2*)

Điều 5. Phương pháp đánh giá

1. Các cơ quan tự đánh giá kết quả ứng dụng CNTT tại cơ quan mình theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chí và gửi về Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định, tổng hợp kết quả đánh giá của các cơ quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kết quả đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT trong năm.

3. Cách tính điểm xếp hạng ứng dụng CNTT được thực hiện dựa trên các nhóm tiêu chí của Bộ tiêu chí, điểm của mỗi nhóm là tổng điểm của các tiêu chí thành phần, tổng điểm của các nhóm tiêu chí là tổng điểm để xếp hạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh: Tháng 11 hàng năm (số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 11 năm trước đến ngày 30 tháng 10 năm đánh giá).

Điều 7. Cách đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT

1. Điểm tối đa trong đánh giá kết quả ứng dụng CNTT là: 500 điểm.

2. Đánh giá kết quả ứng dụng CNTT được chia ra 4 mức độ là Tốt, Khá, Trung bình và Yếu như sau:

Mức độ Tốt: Là cơ quan có số điểm đánh giá từ 425 điểm trở lên;

Mức độ Khá: Là cơ quan có số điểm đánh giá từ 350 điểm đến dưới 425 điểm;

Mức độ Trung bình: Là cơ quan có số điểm đánh giá từ 250 điểm đến dưới 350 điểm;

Mức độ Yếu: Là cơ quan có số điểm đánh giá dưới 250 điểm.

3. Xếp hạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam theo cách tính: Xếp hạng theo thứ tự số điểm đạt từ cao xuống thấp.



BỘ TIÊU CHÍ

**Đánh giá, xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động
của cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam**

*(Kèm theo Quyết định số 1241 /QĐ-UBND ngày 18 /7 /2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng đánh giá, xếp hạng

Bộ tiêu chí này đánh giá, xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam áp dụng đối với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh (*Chi tiết tại Phụ lục 1*).

Điều 2. Mục đích đánh giá, xếp hạng

1. Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; từng bước xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam. Nâng cao vai trò, trách nhiệm; đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT góp phần đẩy nhanh tiến trình cải cách hành chính tỉnh Hà Nam.

2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo CNTT tỉnh, lãnh đạo các cơ quan theo dõi, phát hiện chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý và điều hành.

3. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong ứng dụng CNTT nhằm tạo tiền đề cho việc xây dựng các cơ quan điển hình, cá nhân tiêu biểu trong việc ứng dụng CNTT, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam được tổ chức định kỳ hàng năm.

2. Các cơ quan, đơn vị tiến hành thu thập và cung cấp thông tin theo mẫu Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

3. Công tác đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT được thực hiện dựa trên số liệu tổng hợp từ các mẫu phiếu đánh giá của từng cơ quan; đồng thời đối chiếu với kết quả thực tế từ các đợt kiểm tra và theo dõi tình hình ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan hàng năm. UBND tỉnh sẽ tiến hành thẩm định, đánh giá và công bố kết quả đánh giá, xếp hạng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung tiêu chí đánh giá về ứng dụng CNTT phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành của các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam.

Điều 9. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan

1. Thực hiện cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu và tài liệu kiểm chứng về ứng dụng CNTT của cơ quan theo Bộ tiêu chí này.

2. Tạo điều kiện để Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện việc thẩm tra, xác minh số liệu báo cáo.

3. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả đánh giá, xếp loại mức độ ứng dụng CNTT của cơ quan mình.

4. Gửi báo cáo tự đánh giá kết quả ứng dụng CNTT đúng thời hạn (trước 05/11 hàng năm).

Điều 10. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, Thủ trưởng các cơ quan và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung tiêu chí cho phù hợp với điều kiện tình hình thực tế. *Tr*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Quang Cẩm

Phụ lục 1

Danh sách cơ quan đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Quyết định số ~~124A~~ /QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

STT	Tên cơ quan
1	Văn phòng HĐND tỉnh
2	Văn phòng UBND tỉnh
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	Sở Tài chính
5	Sở Nội vụ
6	Sở Công Thương
7	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
8	Sở Giao thông vận tải
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Sở Tài nguyên và Môi trường
11	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Sở Xây dựng
13	Sở Giáo dục và Đào tạo
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
15	Sở Tư pháp
16	Sở Thông tin và Truyền thông
17	Sở Y tế
18	Thanh tra tỉnh
19	Ban Quản lý các Khu công nghiệp
20	Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao
21	UBND thành phố Phủ Lý
22	UBND huyện Duy Tiên
23	UBND huyện Kim Bảng
24	UBND huyện Bình Lục
25	UBND huyện Lý Nhân
26	UBND huyện Thanh Liêm

Phụ lục 2
Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT trong hoạt động
của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 18/7/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

THÔNG TIN CHUNG

Tên cơ quan, đơn vị:

Tổng số đơn vị trực thuộc (không bao gồm các cơ sở phòng bệnh và khám chữa bệnh, trường học):

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (CBCCV) trong cơ quan và đơn vị sự nghiệp (không bao gồm bảo vệ, lái xe, tạp vụ):

Tổng số điểm đạt được:

Tổng số điểm tối đa: 500 (điểm)

I. HẠ TẦNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CNTT): 30 điểm

1. Đối với các Sở, Ban, ngành

TT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
1	Tỷ lệ CBCCV được trang bị máy tính (máy tính để bàn, máy tính xách tay)	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
2	Tỷ lệ máy tính có kết nối Internet tại cơ quan, đơn vị trực thuộc	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
3	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc có mạng cục bộ (LAN)	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
4	Mạng LAN của cơ quan (trụ sở chính của sở, ban, ngành) được lắp đặt đúng yêu cầu sau:			
	<i>Có phòng máy chủ riêng (phòng lắp đặt thiết bị mạng, máy chủ..)</i>	<i>Có: điểm tối đa</i> <i>Không: 0 điểm</i>	4	
	<i>Có hệ thống an toàn chống sét tại phòng máy chủ</i>	<i>Có: điểm tối đa</i> <i>Không: 0 điểm</i>	3	
	<i>Có máy chủ quản trị mạng LAN</i>	<i>Có: điểm tối đa</i> <i>Không: 0 điểm</i>	3	

2. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

TT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
1	Tỷ lệ CBCCV được trang bị máy tính (máy tính để bàn, máy tính xách tay)	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
2	Tỷ lệ CC cấp xã được trang bị máy tính (máy tính để bàn, máy tính xách tay)	> 75%: 5 điểm 60-75%: 3 điểm < 60%: 0 điểm	5	
3	Tỷ lệ máy tính có kết nối Internet tại cơ quan, đơn vị trực thuộc	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	

4	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc có mạng cục bộ (LAN)	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
5	Mạng LAN của cơ quan (trụ sở chính của UBND huyện, thành phố) được lắp đặt đúng yêu cầu sau:			
	Có phòng máy chủ riêng (phòng lắp đặt thiết bị mạng, máy chủ..)	Có: điểm tối đa Không: 0 điểm	4	
	Có hệ thống an toàn chống sét tại phòng máy chủ	Có: điểm tối đa Không: 0 điểm	3	
	Có máy chủ quản trị mạng LAN	Có: điểm tối đa Không: 0 điểm	3	

II. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN: 20 điểm

1	Bố trí máy tính, máy in dành riêng cho soạn thảo văn bản bảo mật (không kết nối mạng LAN, Internet)	Có: điểm tối đa Không: 0 điểm	3	
2	Có thiết bị đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng	Có: điểm tối đa Không: 0 điểm	3	
3	Có cài đặt các ứng dụng bảo vệ như hệ thống phòng, chống truy cập trái phép	Có: điểm tối đa Không: 0 điểm	3	
4	Tỷ lệ máy tính được trang bị phần mềm virus có bản quyền	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	3	
5	Có cán bộ tham gia đào tạo, tập huấn chuyên sâu hàng năm về an toàn, an ninh thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức	Có: điểm tối đa Không: 0 điểm	3	
6	Sao lưu dữ liệu các phần mềm, cơ sở dữ liệu đảm bảo tối thiểu 1 lần/tuần	Có: điểm tối đa Không: 0 điểm	5	
	Tổng điểm:		20	

III. ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN: 100 điểm

1. Đối với các Sở, Ban, ngành

STT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
1	Sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành			
	Đưa hệ thống ra môi trường Internet	Có: Điểm tối đa Không: 0 điểm	2	
	Vào sổ văn bản đến, đi	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
	Quét văn bản đến đính kèm vào sổ văn bản đến	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
	Phân xử lý văn bản đến	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
	Quét văn bản đi đính kèm vào sổ văn bản đi	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
	Dự thảo và xử lý văn bản đi trên phần mềm	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
	Vào lịch công tác của cơ quan, phòng, ban, cá nhân	Cơ quan: 2 điểm Phòng, ban: 2 điểm Cá nhân: 1 điểm	5	

	Tỷ lệ văn bản gửi gửi nhận qua phần mềm	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
2	Sử dụng chữ ký số			
	Tỷ lệ văn bản sử dụng chữ ký số	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	18	
3	Thư điện tử công vụ			
	Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử hanam.gov.vn	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
4	Các ứng dụng CNTT khác			
	Bao gồm: Các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của cơ quan	- Sử dụng hiệu quả các phần mềm được đầu tư: điểm tối đa. - Sử dụng không hiệu quả hoặc không sử dụng phần mềm được đầu tư: Mỗi phần mềm trừ 10 điểm.	20	
	Tổng:		100	

2. Đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

STT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
1	Sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành			
	Đưa hệ thống ra môi trường Internet	Có: Điểm tối đa Không: 0 điểm	2	
	Vào sổ văn bản đến, đi	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
	Quét văn bản đến đính kèm vào sổ văn bản đến	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
	Phân xử lý văn bản đến	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
	Quét văn bản đi đính kèm vào sổ văn bản đi	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
	Dự thảo và xử lý văn bản đi trên phần mềm	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
	Vào lịch công tác của cơ quan, phòng, ban, cá nhân	Cơ quan: 2 điểm Phòng, ban: 2 điểm Cá nhân: 1 điểm	5	
	Gửi nhận văn bản qua phần mềm	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
	Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn sử dụng phần mềm: Vào lịch công tác, nhận văn bản đến	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
2	Sử dụng chữ ký số			
	Tỷ lệ văn bản sử dụng chữ ký số	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	18	
3	Thư điện tử công vụ			
	Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử hanam.gov.vn	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	

4	Các ứng dụng CNTT khác			
	Bao gồm: Các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của cơ quan	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng hiệu quả các phần mềm được đầu tư: điểm tối đa. - Sử dụng không hiệu quả hoặc không sử dụng phần mềm được đầu tư: Mỗi phần mềm trừ 10 điểm. 	20	
	Tổng:		100	

IV. ỨNG DỤNG CNTT PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP: 200 điểm

1. Đối với các Sở, Ban, ngành

STT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
1	Cổng thông tin điện tử		100	
1	Thông tin giới thiệu			
	Thông tin giới thiệu chung gồm: Sơ đồ cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng phòng, ban, đơn vị; tóm lược quá trình hình thành và phát triển của cơ quan	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Thiếu mỗi thông tin trừ 1 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm. 	8	
	Thông tin về lãnh đạo của cơ quan: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quê quán; trình độ chuyên môn, lý luận chính trị; chức vụ; điện thoại; địa chỉ thư điện tử chính thức, nhiệm vụ đảm nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Thiếu mỗi thông tin trừ 0,3 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm. 	4	
	Thông tin giao dịch chính thức của cơ quan bao gồm: địa chỉ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức để giao dịch và tiếp nhận các thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Thiếu mỗi thông tin trừ 0,5 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm. 	3	
	Thông tin chính thức của từng đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức có thẩm quyền (họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức)	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Thiếu mỗi thông tin trừ 0,25 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm. 	5	
2	Thông tin chỉ đạo điều hành			
	Ý kiến chỉ đạo điều hành của thủ trưởng cơ quan đã được thống nhất và chính thức ban hành bằng văn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: 2 điểm - Không cập nhật: 0 điểm. 	4	
	Thông tin khen thưởng, xử phạt đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật thông tin: điểm tối đa. - Không cập nhật: 0 điểm. 	3	

STT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: 1 điểm - Không cập nhật: 0 điểm.	2	
	Lịch làm việc của lãnh đạo cơ quan	- Cập nhật đầy đủ hàng tuần: điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ: thiếu mỗi tuần trừ 0,5 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm.	5	
3	Thông tin tuyên truyền, phổ biến			
	Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật và chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan	- Cập nhật thông tin: điểm tối đa. - Không cập nhật: 0 điểm.	4	
4	Cập nhật thông tin chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: 4 điểm - Không cập nhật: 0 điểm.	6	
5	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật			
	Danh sách các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành: Hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu tệp văn bản cho phép tải về	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ: 3 điểm - Không cập nhật: 0 điểm.	5	
6	Cập nhật thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công			
	Các dự án, hạng mục đầu tư	- Có phân loại từng dự án, hạng mục đầu tư (đang chuẩn bị đầu tư, đang triển khai, đã hoàn tất), cập nhật danh sách dự án, hạng mục đầu tư trong vòng 01 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt: điểm tối đa - Không phân loại từng dự án, hạng mục đầu tư (đang chuẩn bị đầu tư, đang triển khai, đã hoàn tất), cập nhật danh sách dự án, hạng mục đầu tư sau 01 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt: 3 điểm - Không cung cấp: 0 điểm.	5	
	Mỗi dự án, hạng mục đầu tư phải có các thông tin gồm: Tên, mục tiêu chính, lĩnh vực chuyên môn, loại, thời gian	- Cập nhật đầy đủ thông tin các dự án, hạng mục đầu tư: điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ thông	4	

STT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	thực hiện, kinh phí thực hiện, loại hình tài trợ, nhà tài trợ, tình trạng	tin các dự án, hạng mục đầu tư: 3 điểm - Không cập nhật: 0 điểm.		
7	Thông tin chương trình nghiên cứu, đề tài khoa học, nhiệm vụ khoa học, đề án, kế hoạch			
	Danh mục các chương trình, đề tài bao gồm: tên, cấp quản lý, lĩnh vực, đơn vị chủ trì, thời gian thực hiện; số, ngày ban hành, trích yếu của đề án, kế hoạch	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ: 2 điểm - Không cập nhật: 0 điểm	4	
	Kết quả thực hiện các chương trình, đề tài, nhiệm vụ khoa học, Đề án, Kế hoạch sau khi được phê duyệt	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ: 2 điểm - Không cập nhật: 0 điểm.	3	
8	Tin tức, sự kiện: các tin, bài về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan	- Cập nhật kịp thời và đầy đủ thông tin trong vòng 3 ngày: điểm tối đa. - Cập nhật không kịp thời và ít thông tin: 6 điểm - Không cập nhật: 0 điểm.	10	
9	Xin ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân cho các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật			
	Đăng tải danh sách văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương chính sách cần xin ý kiến	- Cập nhật đầy đủ (trong đó có nêu rõ thời hạn xin ý kiến): điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: 4 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm.	5	
	Trả lời tiếp thu ý kiến góp ý của tổ chức cá nhân đối với các văn bản xin ý kiến	- Cập nhật đầy đủ (mỗi ý kiến góp ý đều có trả lời tiếp thu, giải thích): điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ (có thể chỉ có 1 báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải thích): 2 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm.	4	
	Cho phép tải về văn bản quy phạm pháp luật	- Có: điểm tối đa. - Không: 0 điểm	1	
10	Đăng đầy đủ các câu hỏi, trả lời trong Chuyên mục Hỏi - Đáp	- Trả lời 100% các câu hỏi, đúng thời hạn: điểm tối đa. - Trả lời quá hạn: Mỗi câu trừ 0,5 điểm	10	
11	Thực hiện chế độ thù lao theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 17/9/2012	- Có thực hiện: điểm tối đa - Không thực hiện: 0 điểm.	5	
2	Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)	Đối với các cơ quan không có DVCTT đạt điểm tối đa.	100	

STT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
1	Thông tin về DVCTT			
	Cập nhật danh mục các DVCTT đang thực hiện	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ: Thiếu mỗi DVCTT hoặc mỗi DVCTT không đúng trừ 1 điểm - Không cập nhật: 0 điểm.	10	
	Mỗi DVCTT có nêu rõ mức độ, quy trình, thủ tục, hồ sơ, nơi tiếp nhận, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Thiếu mỗi DVCTT hoặc mỗi DVCTT không đủ thông tin trừ 1 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm.	10	
2	Cập nhật hồ sơ vào phần mềm	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa - Không cập nhật: 0 điểm.	30	
3	Bộ hồ sơ trực tuyến	- Từ 5% trở lên: điểm tối đa. - 2% đến dưới 5%: 15 điểm - Dưới 2%: 10 điểm - Không có hồ sơ: 0 điểm.	20	
4	Hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	30	
	Tổng:		200	

2. Đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

STT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
1	Công thông tin điện tử		100	
1	Thông tin giới thiệu			
	Thông tin giới thiệu chung gồm: Sơ đồ cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng phòng, ban, đơn vị; bản đồ địa giới hành chính đến cấp phường, xã; điều kiện tự nhiên, dân số, lịch sử, truyền thống văn hóa, di tích, danh thắng	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Thiếu mỗi thông tin trừ 0,5 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm.	8	
	Thông tin về lãnh đạo của cơ quan: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quê quán; trình độ chuyên môn, lý luận chính trị; chức vụ; điện thoại; địa chỉ thư điện tử chính thức, nhiệm vụ đảm nhiệm	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Thiếu mỗi thông tin trừ 0,3 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm.	4	

STT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Thông tin giao dịch chính thức của cơ quan bao gồm: Địa chỉ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức để giao dịch và tiếp nhận các thông tin	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Thiếu mỗi thông tin trừ 0,25 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm.	2	
	Thông tin chính thức của từng đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức có thẩm quyền (họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức)	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Thiếu mỗi thông tin trừ 0,25 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm.	5	
2	Thông tin chỉ đạo điều hành			
	Ý kiến chỉ đạo điều hành của thủ trưởng cơ quan đã được thống nhất và chính thức ban hành bằng văn bản	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: 2 điểm - Không cung cấp: 0 điểm.	4	
	Thông tin khen thưởng, xử phạt đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan	- Cập nhật thông tin: điểm tối đa. - Không cập nhật: 0 điểm.	3	
	Ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: 1 điểm - Không cập nhật: 0 điểm.	2	
	Lịch làm việc của lãnh đạo cơ quan	- Cập nhật đầy đủ hàng tuần: điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ: thiếu mỗi tuần trừ 0,5 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm.	5	
3	Thông tin tuyên truyền, phổ biến			
	Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật nói chung	- Cập nhật thông tin: điểm tối đa. - Không cập nhật: 0 điểm.	3	
	Tuyên truyền chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan	- Cập nhật thông tin: điểm tối đa. - Không cập nhật: 0 điểm.	4	
4	Cập nhật thông tin chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội			
	Chính sách ưu đãi, cơ hội đầu tư, các dự án mời gọi vốn đầu tư;	- Cập nhật thông tin: điểm tối đa. - Không cập nhật: 0 điểm.	2	
	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;	- Cập nhật thông tin: điểm tối đa. - Không cập nhật: 0 điểm.	2	

STT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Quy hoạch, kế hoạch và hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên;	- Cập nhật thông tin: điểm tối đa. - Không cập nhật: 0 điểm.	2	
	Quy hoạch thu gom, tái chế, xử lý chất thải; danh sách, thông tin về các nguồn thải, các loại chất thải có nguy cơ gây hại tới sức khỏe con người và môi trường; khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở mức nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường	- Cập nhật thông tin: điểm tối đa. - Không cập nhật: 0 điểm.	2	
5	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật			
	Danh sách các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành (hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu, tệp đính kèm)	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ: 3 điểm - Không cập nhật: 0 điểm.	5	
6	Cập nhật thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công			
	Các dự án, hạng mục đầu tư	- Có phân loại từng dự án, hạng mục đầu tư (đang chuẩn bị đầu tư, đang triển khai, đã hoàn tất), cập nhật danh sách dự án, hạng mục đầu tư trong vòng 01 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt: điểm tối đa - Không phân loại từng dự án, hạng mục đầu tư (đang chuẩn bị đầu tư, đang triển khai, đã hoàn tất), cập nhật danh sách dự án, hạng mục đầu tư sau 01 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt: 1 điểm - Không cung cấp: 0 điểm.	2	
	Mỗi dự án, hạng mục đầu tư phải có các thông tin gồm: Tên, mục tiêu chính, lĩnh vực chuyên môn, loại, thời gian	- Cập nhật đầy đủ thông tin các dự án, hạng mục đầu tư: điểm tối đa	4	

STT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	thực hiện, kinh phí thực hiện, loại hình tài trợ, nhà tài trợ, tình trạng...	- Cập nhật không đầy đủ thông tin các dự án, hạng mục đầu tư: 3 điểm - Không cập nhật: 0 điểm.		
7	Thông tin chương trình nghiên cứu, đề tài khoa học, nhiệm vụ khoa học, đề án, kế hoạch			
	Danh mục các chương trình, đề tài bao gồm: tên, cấp quản lý, lĩnh vực, đơn vị chủ trì, thời gian thực hiện; số, ngày ban hành, trích yếu của đề án, kế hoạch	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ: 2 điểm - Không cập nhật: 0 điểm	3	
	Kết quả thực hiện các chương trình, đề tài, nhiệm vụ khoa học, Đề án, Kế hoạch sau khi được phê duyệt	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ: 2 điểm - Không cập nhật: 0 điểm.	3	
8	Tin tức, sự kiện: các tin, bài về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý của cơ quan	- Cập nhật kịp thời và đầy đủ thông tin trong vòng 3 ngày: điểm tối đa. - Cập nhật không kịp thời và ít thông tin: 6 điểm - Không cập nhật: 0 điểm.	10	
9	Xin ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân cho các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật			
	Đăng tải danh sách văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương chính sách cần xin ý kiến	- Cập nhật đầy đủ (trong đó có nêu rõ thời hạn xin ý kiến): điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: 0,5 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm.	5	
	Trả lời tiếp thu ý kiến góp ý của tổ chức cá nhân đối với các văn bản xin ý kiến	- Cập nhật đầy đủ (mỗi ý kiến góp ý đều có trả lời tiếp thu, giải thích): điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ (có thể chỉ có 1 báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải thích): 2 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm.	4	
	Cho phép tải về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	- Có: điểm tối đa. - Không: 0 điểm	1	

STT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
10	Đăng đầy đủ các câu hỏi, trả lời trong Chuyên mục Hỏi - Đáp	- Trả lời 100% các câu hỏi, đúng thời hạn: điểm tối đa. - Trả lời quá hạn: Mỗi câu trừ 0,5 điểm	10	
11	Thực hiện chế độ thù lao theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 17/9/2012	- Có thực hiện: điểm tối đa - Không thực hiện: 0 điểm.	5	
2	Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)		100	
1	Thông tin về DVCTT			
	Cập nhật danh mục các DVCTT đang thực hiện	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ: Thiếu mỗi DVCTT hoặc mỗi DVCTT không đúng trừ 1 điểm - Không cập nhật: 0 điểm.	10	
	Mỗi DVCTT có nêu rõ mức độ, quy trình, thủ tục, hồ sơ, nơi tiếp nhận, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí	- Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Thiếu mỗi DVCTT hoặc mỗi DVCTT không đủ thông tin trừ 1 điểm. - Không cập nhật: 0 điểm.	10	
2	Cập nhật hồ sơ vào phần mềm	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa - Không cập nhật: 0 điểm.	30	
3	Bộ hồ sơ trực tuyến	- Từ 5% trở lên: điểm tối đa. - 2% đến dưới 5%: 15 điểm - Dưới 2%: 10 điểm - Không có hồ sơ: 0 điểm.	20	
4	Hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	30	
	Tổng:		200	

V. NHÂN LỰC CHO ỨNG DỤNG CNTT: 50 điểm

STT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
1	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chuyên trách về CNTT			

	Văn bản, chứng chỉ trong lĩnh vực CNTT	<ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ từ cao đẳng trở lên liên quan đến lĩnh vực CNTT (CNTT, điện tử viễn thông, tin học ứng dụng, toán tin...) hoặc có trình độ đại học chuyên ngành khác và có chứng chỉ về quản trị mạng: điểm tối đa - Có trình độ đại học chuyên ngành khác: 15 điểm. - Các trường hợp khác: 0 điểm 	20	
	Tham gia lớp tập huấn, đào tạo về CNTT do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức hằng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ: Điểm tối đa - Tham gia không đầy đủ: 5 điểm - Không tham gia: 0 điểm 	10	
2	Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ tin học cho cán bộ trong năm	<ul style="list-style-type: none"> - Có tổ chức lớp tập huấn, đào tạo: điểm tối đa. - Quản trị mạng tự hướng dẫn sử dụng: 15 điểm - Không tổ chức: 0 điểm 	20	
Tổng:			50	

VI. CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, TRẢ LỜI VĂN BẢN VỀ ỨNG DỤNG CNTT: 100 điểm

STT	Nội dung	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
1	Kế hoạch ứng dụng CNTT trong năm	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành văn bản đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng, triển khai hiệu quả: điểm tối đa. - Ban hành văn bản đúng thời hạn, không đảm bảo chất lượng, triển khai chưa hiệu quả: 10 điểm - Ban hành văn bản quá hạn, đảm bảo chất lượng, triển khai hiệu quả: 10 điểm - Ban hành quá hạn, không đảm bảo chất lượng, không hiệu quả hoặc không ban hành: 0 điểm. 	20	
2	Chương trình, kế hoạch cải cách hành chính có bao gồm nội dung ứng dụng CNTT	<ul style="list-style-type: none"> - Có nội dung ứng dụng CNTT: điểm tối đa. - Không có nội dung ứng dụng CNTT: 0 điểm. 	10	
3	Các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến đẩy mạnh ứng dụng CNTT.	<ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành văn bản: mỗi văn bản 5 điểm - Tối đa không quá 20 điểm 	20	

4	Trả lời các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông liên quan đến ứng dụng CNTT.	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi văn bản trả lời quá hạn: + Sau 5 ngày: trừ 3 điểm. + Sau 10 ngày: trừ 5 điểm. - Mỗi văn bản không trả lời: trừ 10 điểm. 	50	
	Tổng:		100	